

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG
SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP.HỒ CHÍ MINH**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI THÀNH
PHỐ HỒ CHÍ MINH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT -
VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 02, Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 35

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT –
VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 02, Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh giữa niên độ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất - Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh") cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hạnh	Chủ tịch
Bà Lê Hồng Thủy Tiên	Thành viên
Bà Trần Thị Minh Nguyệt	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2018)
Ông Nguyễn Nam Tiến	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2018)
Ông Đặng Tuấn Tú	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2018)
Ông Phan Lê Hoan	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2018)

Ban Kiểm soát

Ông Lưu Quốc Hoàng	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2018)
Bà Huỳnh Thị Diệu	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2018)
Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên
Ông Chu Khánh Toàn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2018)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Đoàn Thị Mai Hương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hùng Cường	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Minh Ngọc	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT -
VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 02, Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng quản trị phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Nguyễn Hạnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 09 tháng 8 năm 2018

250C
NH
ÔNG
NH
ELO
IẾT
- TP.

Số: 128/VN1A-HC-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất (gọi tắt là "Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh") được lập ngày 09 tháng 8 năm 2018, từ trang 5 đến trang 35 bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

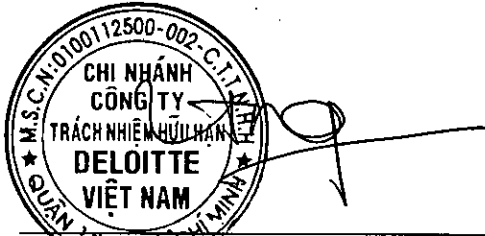
Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, với báo cáo kiểm toán độc lập phát hành ngày 14 tháng 3 năm 2018 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Ngoài ra, báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác với báo cáo soát xét phát hành ngày 09 tháng 8 năm 2017 đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.



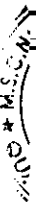
Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2018-001-1

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 09 tháng 8 năm 2018

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
- VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

MẪU SỐ B 01a-DN

Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 02,
Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

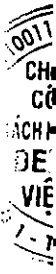
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.350.629.639.029	1.393.831.676.364
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	221.760.903.653	532.082.857.177
1. Tiền	111		181.760.903.653	252.082.857.177
2. Các khoản tương đương tiền	112		40.000.000.000	280.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	552.000.000.000	272.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		28.644.000.000	28.644.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(28.644.000.000)	(28.644.000.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		552.000.000.000	272.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		265.756.378.259	268.233.424.061
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	80.723.742.677	82.817.529.044
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	10.397.956.639	8.044.383.845
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		134.437.640.932	141.803.207.476
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	101.244.909.045	97.057.206.462
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(61.047.871.034)	(61.488.902.766)
IV. Hàng tồn kho	140	10	255.632.243.412	281.261.545.197
1. Hàng tồn kho	141		255.632.243.412	281.261.545.197
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		55.480.113.705	40.253.849.929
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	9.924.554.513	6.754.223.124
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		44.924.042.244	32.240.302.921
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	20	631.516.948	1.259.323.884

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
- VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 02,
 Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 01a-DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		763.704.533.504	773.975.477.634
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		253.185.939.726	254.938.754.237
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	500.563.057.449	505.903.337.393
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(247.377.117.723)	(250.964.583.156)
II. Tài sản cố định	220		141.852.326.269	151.523.513.059
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	139.924.352.005	123.433.978.191
- Nguyên giá	222		390.245.216.436	355.652.125.077
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(250.320.864.431)	(232.218.146.886)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	26.790.966.878
- Nguyên giá	225		-	29.913.080.370
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(3.122.113.492)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	1.927.974.264	1.298.567.990
- Nguyên giá	228		3.358.073.049	2.478.240.629
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.430.098.785)	(1.179.672.639)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	32.243.749.055	32.243.749.055
- Nguyên giá	231		37.252.913.794	37.252.913.794
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(5.009.164.739)	(5.009.164.739)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		50.611.625.837	46.805.709.705
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	50.611.625.837	46.805.709.705
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	272.848.120.431	272.848.120.431
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		178.277.281.987	178.277.281.987
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		110.046.251.500	110.046.251.500
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(15.475.413.056)	(15.475.413.056)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12.962.772.186	15.615.631.147
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	5.813.669.223	8.437.813.456
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	7.149.102.963	7.177.817.691
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.114.334.172.533	2.167.807.153.998

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
- VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 02,
 Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 01a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

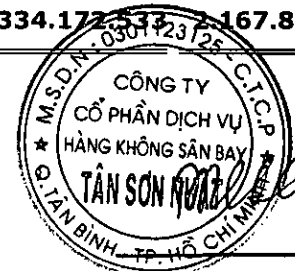
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		562.176.502.819	606.534.316.415
I. Nợ ngắn hạn	310		561.918.778.819	589.210.943.116
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	421.248.877.223	381.208.398.961
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.765.061.861	2.653.123.551
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	23.808.884.394	28.828.752.014
4. Phải trả người lao động	314	19	73.116.820.981	57.149.227.973
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	4.993.020.322	133.060.917
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		3.034.705.567	2.628.485.379
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	7.423.352.508	11.993.567.319
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	-	63.323.975.135
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	25.528.055.963	41.292.351.867
II. Nợ dài hạn	330		257.724.000	17.323.373.299
1. Phải trả dài hạn khác	337	21	257.724.000	257.724.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	-	17.065.649.299
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.552.157.669.714	1.561.272.837.583
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	1.552.157.669.714	1.561.272.837.583
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.334.813.100.000	1.334.813.100.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.962.620.000	3.962.620.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		582.661.723	582.661.723
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		212.799.287.991	221.914.455.860
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		169.310.548	31.015.130.074
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước	421b		212.629.977.443	190.899.325.786
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.114.334.172.537	1.678.071.153.998



Hoàng Đôn Huấn
 Người lập biểu



Tôn Nữ Diệu Trí
 Kế toán trưởng



Đoàn Thị Mai Hương
 Tổng Giám đốc
 Ngày 09 tháng 8 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
- VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 02,
 Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 02a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

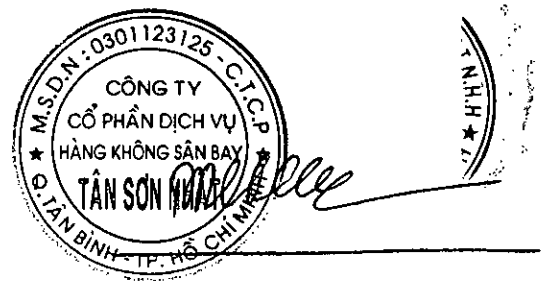
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.313.261.673.704	1.101.262.204.759
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		396.109.397	1.390.793
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	26	1.312.865.564.307	1.101.260.813.966
4. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	11	27	736.200.148.195	603.537.670.120
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		576.665.416.112	497.723.143.846
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	100.917.860.642	62.780.571.710
7. Chi phí tài chính	22	30	7.740.286.666	3.169.459.427
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		279.942.498	862.157.211
8. Chi phí bán hàng	25	31	347.017.078.866	274.205.542.107
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	103.121.369.239	124.912.389.326
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		219.704.541.983	158.216.324.696
11. Thu nhập khác	31	33	4.898.911.157	6.696.973.990
12. Chi phí khác	32		216.349.102	399.585.999
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		4.682.562.055	6.297.387.991
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		224.387.104.038	164.513.712.687
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	30.581.965.979	27.775.873.415
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	34	28.714.728	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		193.776.423.331	136.737.839.272

Hoàng Đôn Huân
 Người lập biểu

Tôn Nữ Diệu Trí
 Kế toán trưởng



Đoàn Thị Mai Hương
 Tổng Giám đốc
 Ngày 09 tháng 8 năm 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
- VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 02,
Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 03a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

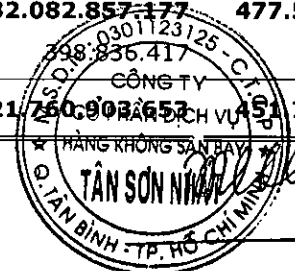
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	224.387.104.038	164.513.712.687
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	16.148.740.037	13.659.399.157
(Hoàn nhập)/Trích lập các khoản dự phòng	03	(4.028.497.165)	21.642.686.036
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	7.221.726.384	(19.722.502.849)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(98.128.152.704)	(31.535.258.582)
Chi phí lãi vay	06	279.942.498	862.157.211
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	145.880.863.088	149.420.193.660
Thay đổi các khoản phải thu	09	(1.535.996.702)	33.573.377.642
Thay đổi hàng tồn kho	10	25.629.301.785	50.447.504.062
Thay đổi các khoản phải trả	11	36.734.027.621	(18.355.632.490)
Thay đổi chi phí trả trước	12	261.508.991	4.855.653.326
Tiền lãi vay đã trả	14	(413.003.415)	(885.747.681)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(15.385.656.405)	(20.754.111.863)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(15.764.295.904)	(13.068.467.884)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	175.406.749.059	185.232.768.772
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(17.259.391.823)	(10.687.168.891)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	195.636.363	269.434
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(415.000.000.000)	(180.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	135.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(4.000.220.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	149.125.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	93.824.526.294	35.075.178.704
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(203.239.229.166)	(10.486.940.753)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	179.302.575.729
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(59.795.160.035)	(236.722.378.132)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(20.594.464.399)	(1.041.970.575)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(202.498.685.400)	(142.240.305.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(282.888.309.834)	(200.702.078.578)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(310.720.789.941)	(25.956.250.559)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	532.082.857.177	477.580.529.362
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	998.836.417	111.064.029
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	221.760.903.652	451.735.342.832

Hoàng Đôn Huấn
Người lập biểu

Tôn Nữ Diệu Trí
Kế toán trưởng



Đoàn Thị Mai Hương
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 8 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
- VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

MẪU SỐ B 09a-DN

Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 02,
Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất (gọi tắt là "Công ty"), là Công ty Cổ phần, được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước - Công ty TNHH một thành viên dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất theo Quyết định số 2572/QĐ-BGTVT ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301123125 (số cũ 4106000177), đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 27 tháng 4 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Tên gọi đầy đủ bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất.

Tên giao dịch Quốc tế: Southern Airports Services Joint Stock Company.

Tên viết tắt: SASCO.

Trụ sở chính: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường UPCOM với mã chứng khoán "SAS".

Tổng số nhân viên của Văn phòng Công ty Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 1.012 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 1.001 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi, Công ty đã đăng ký các hoạt động kinh doanh chính trong các lĩnh vực sau:

Chế biến suất ăn, kinh doanh ăn uống, hàng mỹ nghệ, hàng miễn thuế; Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt; Kinh doanh khách sạn, du lịch; Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô, taxi nội tỉnh và liên tỉnh; Sửa chữa ô tô, lắp đặt trang thiết bị phục vụ mặt đất ngành Hàng không; Khai thác dịch vụ kỹ thuật thương mại Hàng không; Đại lý bán vé máy bay, kinh doanh quảng cáo; Xuất nhập khẩu hàng hóa phục vụ hành khách, nhập khẩu trang thiết bị phục vụ công tác kinh doanh của công ty; Mua bán rượu và thuốc lá điều sản xuất trong nước; Bán lẻ xăng dầu; Kinh doanh trang trại; Kinh doanh du lịch, lữ hành quốc tế, đại lý đối ngoại tệ; Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng; Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa; Dịch vụ massage, xoa bóp bấm huyệt đôi bàn chân, tắm bùn khoáng tại khu vực cách ly ga đi quốc tế sân bay Tân Sơn Nhất; Kinh doanh bất động sản, cho thuê kho, nhà ở, cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh; Dịch vụ bưu phẩm, bưu kiện, dịch vụ chuyển phát nhanh hàng hóa; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Khai thác, chế biến bùn khoáng; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các Chi nhánh, Công ty liên doanh liên kết của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh tại ngày 30 tháng 6 năm 2018:

2011
CH
CÔ
CH
EL
VI
- TP

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
- VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất tại Phú Quốc	Số 379 Đường Nguyễn Trung Trực, Khu phố 5, thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất tại Hà Nội	Số 50, Ngõ 41, Thái Hà, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất tại Long An	Lô Q-1B Khu công nghiệp Long Hậu mở rộng, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất tại Khánh Hòa	Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, TP. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

Các đơn vị thuộc Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trung tâm Thương mại Sasco Tân Sơn Nhất	Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Phòng kinh doanh hàng miễn thuế	Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Công ty liên doanh, liên kết:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất	TP. Hồ Chí Minh	38,03%	38,03%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Mua bán cho thuê vật tư, thiết bị phục vụ ngành xăng dầu; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không
Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco	Tỉnh Kiên Giang	50,00%	50,00%	Chế biến thủy sản; Kinh doanh dịch vụ khách sạn
Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt (Viethaus)	Berlin, Đức	29,00%	29,00%	Kinh doanh nhà hàng, quán bar, dịch vụ nhà khách, phòng họp; Trưng bày và trực tiếp bán buôn, bán lẻ các mặt hàng Việt Nam, xuất nhập khẩu, môi giới xuất nhập khẩu; Xúc tiến thương mại và đầu tư
Công ty Cổ phần Phát triển Vườn xanh	TP. Hồ Chí Minh	24,00%	24,00%	Tư vấn, thiết kế, thi công và bảo trì sân vườn; Cung cấp các dịch vụ cây trang trí cho văn phòng; Cho thuê cây
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bầu Trời Xanh	TP. Hồ Chí Minh	20,00%	20,00%	Dịch vụ, thương mại

500-00
 NHÃN
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 HỮU
 HẠN
 VIỆT
 NAM
 HỒ CHÍ

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Năm tài chính

Năm tài chính của Văn phòng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Kỳ hoạt động giữa niên độ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại lập báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Văn phòng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

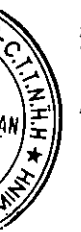
Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh trên cơ sở dự thu.



Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát, hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác theo giá gốc. Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 ("Thông tư 89") của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.



Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của nguyên vật liệu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền ngoại trừ giá xuất của hàng hóa miễn thuế và trung tâm thương mại được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được hình thành từ các công trình xây dựng do các nhà thầu xây dựng thực hiện được xác định bao gồm: giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

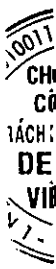
Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc và thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải	7
Thiết bị văn phòng	5
Khác	5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh giữa niên độ.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.



Công ty là bên đi thuê

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó.

Tài sản vô hình và khấu hao

Tài sản vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất trong vòng từ 33 năm đến 45 năm.

Nhãn hiệu hàng hóa

Nhãn hiệu hàng hóa được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao trong vòng 05 năm.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 05 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất do Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng, mua sắm phục vụ mục đích hoạt động, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm giá mua, chi phí lắp đặt, xây dựng, thiết bị, phí dịch vụ và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, tiền thuê đất và chi phí sửa chữa lớn được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh trong kỳ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi

Doanh thu đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng là phần hoa hồng bán hàng mà Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh được hưởng.



Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu hoạt động khác

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh giữa niên độ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được trừ.

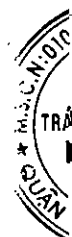
Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh trong kỳ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh trong kỳ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

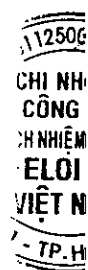


4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ <u>VND</u>	Số đầu kỳ <u>VND</u>
Tiền mặt	13.515.314.665	16.259.091.028
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	166.952.232.972	234.467.735.779
Tiền đang chuyển ⁽ⁱ⁾	1.293.356.016	1.356.030.370
Các khoản tương đương tiền ⁽ⁱⁱ⁾	40.000.000.000	280.000.000.000
	<u>221.760.903.653</u>	<u>532.082.857.177</u>

(i) Tiền đang chuyển là tiền thu từ thẻ tín dụng của khách hàng.

(ii) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước. Các khoản tiền gửi này hưởng lãi suất cố định từ 4,6%/năm đến 5,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 4,3% đến 5,5%/năm).



5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Thông tin chi tiết về Công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư vào đơn vị khác của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh:

			Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
a. Chứng khoán kinh doanh						
- Ngân hàng thương mại Cổ phần Đông Á	28.644.000.000	-	(28.644.000.000)	28.644.000.000	-	(28.644.000.000)
b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ⁽¹⁾	552.000.000.000	552.000.000.000	-	272.000.000.000	272.000.000.000	-
	580.644.000.000	552.000.000.000	(28.644.000.000)	300.644.000.000	272.000.000.000	(28.644.000.000)
c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	178.277.281.987	-	(14.900.289.718)	178.277.281.987	-	(14.900.289.718)
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất ⁽ⁱⁱ⁾ ^(viii)	149.376.730.000	-	-	149.376.730.000	-	-
Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt (Viethaus) ⁽ⁱⁱⁱ⁾ ^(vii)	14.900.289.718	-	(14.900.289.718)	14.900.289.718	-	(14.900.289.718)
Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco ^(iv) ^(viii)	10.800.262.269	-	-	10.800.262.269	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bầu Trời Xanh ^(v) ^(vii)	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Vườn Xanh ^(vi) ^(viii)	1.200.000.000	-	-	1.200.000.000	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	110.046.251.500	79.924.983.000	(575.123.338)	110.046.251.500	101.647.400.000	(575.123.338)
Công ty Cổ phần Địa ốc Thảo Điền ^(viii)	44.732.290.000	-	-	44.732.290.000	-	-
Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Sân bay Nội Bài ^(vii)	21.811.000.000	68.097.783.000	-	21.811.000.000	90.005.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Tân Sơn Nhất ^(viii)	15.464.785.500	-	-	15.464.785.500	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng ^(viii)	11.542.176.000	-	-	11.542.176.000	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài ^(vii)	8.696.000.000	11.827.200.000	-	8.696.000.000	11.642.400.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp ^(viii)	4.930.000.000	-	-	4.930.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Phú Quốc ^(viii)	2.800.000.000	-	(575.123.338)	2.800.000.000	-	(575.123.338)
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung tâm ^(viii)	70.000.000	-	-	70.000.000	-	-
	288.323.533.487	79.924.983.000	(15.475.413.056)	288.323.533.487	101.647.400.000	(15.475.413.056)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
- VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09a-DN

(i) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá mười hai tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước. Các khoản tiền gửi này hưởng lãi suất cố định từ 5,2%/năm đến 6,9%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 5,3% đến 6,5%/năm).

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305515395 thay đổi lần thứ 11 ngày 10 tháng 7 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất 149.376.730.000 đồng, tương đương 38,03% vốn điều lệ.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5602000027 thay đổi lần 03 ngày 12 tháng 01 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco 10.800.262.269 đồng, tương đương 50% vốn điều lệ.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài điều chỉnh ngày 08 tháng 6 năm 2011 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và các giấy phép thay đổi, Công ty đầu tư vào Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt (Viethouse) 29% vốn điều lệ.

(v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0305515483 ngày 03 tháng 7 năm 2010, Công ty nắm giữ 1.200 cổ phiếu tương đương 24% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển Vườn xanh.

(vi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313546236 ngày 23 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bầu Trời Xanh 2.000.000.000 đồng, tương đương 20% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

(vii) Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

(viii) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Phải thu bên thứ ba		
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP - Trung tâm Khai thác Tân Sơn Nhất (TOC)	18.728.609.413	20.805.568.843
Priority Pass (A.P) Ltd.	9.888.409.984	10.623.391.481
Các khoản phải thu khách hàng khác	40.780.432.941	33.522.733.411
b. Phải thu bên liên quan (Thuyết minh 36)	11.326.290.339	17.865.835.309
	80.723.742.677	82.817.529.044

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ứng trước bên thứ ba		
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Nội Thất OZ	1.912.787.359	1.912.787.359
Công ty TNHH Phát triển Thành phố	1.542.881.011	1.542.881.011
Các nhà cung cấp khác	6.881.788.269	4.528.215.475
b. Ứng trước bên liên quan (Thuyết minh 36)	60.500.000	60.500.000
	10.397.956.639	8.044.383.845

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ <u>VND</u>	Số đầu kỳ <u>VND</u>
a. Ngắn hạn		
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - Trung tâm Khai thác Tân Sơn Nhất (TOC) - chi hộ tiền thuê đất	14.637.135.091	12.096.278.815
Lãi dự thu của các ngân hàng	12.374.326.575	8.266.336.528
Ký quỹ ⁽ⁱ⁾	2.269.659.413	1.020.459.240
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng và Kinh doanh Nhà Phú Nhuận - thu hồi vốn và lãi bán nền nhà	1.733.428.375	1.733.428.375
Tạm ứng	1.290.256.837	413.109.580
Phải thu khác	68.940.102.754	73.527.593.924
	<u>101.244.909.045</u>	<u>97.057.206.462</u>

Trong đó:

Phải thu ngắn hạn khác bên liên quan (Thuyết minh 36)

	<u>62.104.637.941</u>	<u>62.727.108.459</u>
--	------------------------------	------------------------------

b. Dài hạn

- Ứng tiền cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất Huyện Phú Quốc ⁽ⁱⁱ⁾	162.389.278.838	162.389.278.838
- Công ty xuất nhập khẩu và hợp tác đầu tư giao thông vận tải (Tracimexco) ⁽ⁱⁱⁱ⁾	30.040.240.000	30.040.240.000
- Ký quỹ ⁽ⁱ⁾	25.883.534.605	26.107.414.605
- Ứng trước phí làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	13.000.000.000	13.000.000.000
- Ứng tiền đền bù giải tỏa dự án khách sạn Sasco - Nha Trang	4.884.249.333	4.884.249.333
- Công ty TNHH Một thành viên Nhà Phú Nhuận ^(iv)	16.978.636.950	16.978.636.950
- Các khoản phải thu dài hạn khác	247.387.117.723	252.503.517.667
	<u>500.563.057.449</u>	<u>505.903.337.393</u>

Trong đó:

Phải thu dài hạn khác bên liên quan (Thuyết minh 36)

	<u>247.377.117.723</u>	<u>250.964.583.156</u>
--	-------------------------------	-------------------------------

- (i) Ký quỹ là các khoản đặt cọc thuê đất thực hiện dự án. Khoản ký quỹ được phân loại căn cứ trên thời hạn hợp đồng.
- (ii) Ứng tiền cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất Huyện Phú Quốc là khoản bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng tại Khu du lịch sinh thái Bắc Vũng Bàu tại Ấp 04, Xã Cửa Cạn, Huyện, Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang.
- (iii) Phải thu dài hạn từ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Hợp tác đầu tư giao thông vận tải (Tracimexco) là khoản vốn góp hợp tác đầu tư xây dựng.
- (iv) Phải thu dài hạn từ Công ty TNHH Một thành viên xây dựng và kinh doanh Nhà Phú Nhuận là khoản vốn góp hợp tác kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
- VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

9. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.	312.922.546.746	308.424.988.757	320.500.046.220	312.453.485.922
<i>Trong đó:</i>				
Công ty liên doanh Nhà Việt (Viethaus)	299.192.679.344	299.192.679.344	303.224.174.059	303.224.174.059
Các tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu tiền bán hàng	13.311.618.141	8.934.851.123	16.857.622.899	8.931.853.572
Trả trước cho người bán	418.249.261	297.458.290	418.249.262	297.458.291
	312.922.546.746	308.424.988.757	320.500.046.220	312.453.485.922
<i>Trong đó</i>				
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		61.047.871.034		61.488.902.766
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		247.377.117.723		250.964.583.156

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.150.441.247	557.587.238
Công cụ, dụng cụ	2.118.772.636	931.259.309
Hàng hóa	252.289.642.455	279.738.227.629
Hàng gửi đi bán	73.387.074	34.471.021
	255.632.243.412	281.261.545.197

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Ngắn hạn		
Tiền thuê đất, thuê mặt bằng	7.510.615.096	4.140.363.640
Chi phí bảo hiểm	726.261.215	164.892.049
Chi phí công cụ dụng cụ	551.673.826	707.353.689
Các khoản khác	1.136.004.376	1.741.613.746
	9.924.554.513	6.754.223.124
Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ	5.522.665.051	7.778.851.905
Chi phí sửa chữa lớn	153.377.546	414.356.292
Các khoản khác	137.626.626	244.605.259
	5.813.669.223	8.437.813.456

12500
 H NH
 ĐNG
 NHÌEM.
 LOIT
 ET NA
 TP. HC

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số đầu kỳ	115.640.525.343	22.484.006.938	192.454.157.131	4.707.556.154	20.365.879.511	355.652.125.077
Tăng trong kỳ	-	360.330.000	4.000.000	-	-	364.330.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.543.179.108	690.211.719	-	-	-	5.233.390.827
Chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	-	29.913.080.370	-	-	29.913.080.370
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(917.709.838)	-	-	(917.709.838)
Số cuối kỳ	120.183.704.451	23.534.548.657	221.453.527.663	4.707.556.154	20.365.879.511	390.245.216.436
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số đầu kỳ	41.304.959.021	17.976.508.286	150.734.727.511	3.389.071.806	18.812.880.262	232.218.146.886
Khấu hao trong kỳ	6.439.474.325	536.741.042	6.105.982.330	247.117.792	451.568.635	13.780.884.124
Chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	-	5.239.543.259	-	-	5.239.543.259
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(917.709.838)	-	-	(917.709.838)
Số cuối kỳ	47.744.433.346	18.513.249.328	161.162.543.262	3.636.189.598	19.264.448.897	250.320.864.431
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu kỳ	74.335.566.322	4.507.498.652	41.719.429.620	1.318.484.348	1.552.999.249	123.433.978.191
Tại ngày cuối kỳ	72.439.271.105	5.021.299.329	60.290.984.401	1.071.366.556	1.101.430.614	139.924.352.005

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 145.871.297.922 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 138.647.849.677 đồng).

13. TÀI SẢN VÔ HÌNH

	Nhãn hiệu hàng hóa VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu kỳ	55.555.555	2.422.685.074	2.478.240.629
Tăng trong kỳ		879.832.420	879.832.420
Số cuối kỳ	<u>55.555.555</u>	<u>3.302.517.494</u>	<u>3.358.073.049</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu kỳ	55.555.555	1.124.117.084	1.179.672.639
Khấu hao trong kỳ	-	250.426.146	250.426.146
Số cuối kỳ	<u>55.555.555</u>	<u>1.374.543.230</u>	<u>1.430.098.785</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	<u>-</u>	<u>1.298.567.990</u>	<u>1.298.567.990</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>-</u>	<u>1.927.974.264</u>	<u>1.927.974.264</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, nguyên giá của tài sản vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 823.436.968 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 55.555.555 đồng).

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

	Quyền sử dụng đất VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	<u>37.252.913.794</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN ĐÃ TRÍCH (*)	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	<u>5.009.164.739</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu kỳ và cuối kỳ	<u>32.243.749.055</u>

(*) Giá trị hao mòn đã trích theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 cần được trình bày. Tuy nhiên, Văn phòng Công ty tại TP.HCM hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
- VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09a-DN

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
- Khu đất 10.316 m ² tại Xuân Thới Sơn - Hóc Môn	5.132.260.000	801.122.625	4.331.137.375
- Khu đất số 9,10,11 thuộc Khu đất 2.000 m ² và 1.000m ² tại Đường Hùng Vương, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang	6.222.717.346	1.256.109.502	4.966.607.844
- Khu đất số 5 thuộc khu đất 1.475,8 m ² tại Đường Hùng Vương, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang	3.472.623.126	660.530.562	2.812.092.564
- Khu đất số 5 thuộc khu đất 2.200 m ² tại Đường Hùng Vương, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang	8.216.358.700	683.547.876	7.532.810.824
- Khu đất 9.973 m ² tại ấp Rạch Chiểu, Xã Hàm Ninh, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang	5.458.267.422	396.881.118	5.061.386.304
- Khu đất số 13 thuộc khu đất 4.758 m ² tại Đường Nguyễn Chí Thành, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang	8.750.687.200	1.210.973.056	7.539.714.144
Cộng	<u>37.252.913.794</u>	<u>5.009.164.739</u>	<u>32.243.749.055</u>

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Dự án trang trại Suối Nhung (Bình Phước)	26.884.594.990	25.997.851.354
Dự án khách sạn Sasco Nha Trang	10.576.320.773	10.056.490.141
Các dự án khác	13.150.710.074	10.751.368.210
	<u>50.611.625.837</u>	<u>46.805.709.705</u>

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Số cuối kỳ Thuế		Số đầu kỳ Thuế	
	Giá trị VND	suất %	Giá trị VND	suất %
Khấu hao bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá	4.520.308.115	20%	904.061.623	20%
Dự phòng đầu tư giảm giá chứng khoán ngắn hạn	28.644.000.000	20%	5.728.800.000	20%
Dự phòng phải thu khó đòi	2.581.206.700	20%	516.241.340	20%
Các khoản khác	-	20%	-	20%
	<u>35.745.514.815</u>		<u>7.149.102.963</u>	
			<u>35.889.088.455</u>	<u>7.177.817.691</u>

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Phải trả bên thứ ba		
IPP Group (S) Pte., Ltd.	293.127.282.379	288.350.671.815
Các nhà cung cấp khác	34.342.853.210	45.849.388.701
b. Phải trả bên liên quan (Thuyết minh 36)	93.778.741.634	47.008.338.445
	<u>421.248.877.223</u>	<u>381.208.398.961</u>

Tất cả các khoản phải trả người bán ngắn hạn đều có khả năng trả nợ.



18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ VND	Số phải nộp/ thu trong kỳ VND	Số đã nộp/ thu trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Thuế và các khoản phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	1.259.323.884	8.591.552.005	7.963.745.069	631.516.948
	1.259.323.884	8.591.552.005	7.963.745.069	631.516.948
Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	122.664.082	122.664.082	-
Thuế nhập khẩu	-	178.205.927	178.205.927	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.984.811.108	30.581.965.979	15.385.656.405	19.181.120.682
Tiền thuê đất	24.843.940.906	11.618.708.412	31.834.885.606	4.627.763.712
Các khoản phải nộp khác	-	5.000.000	5.000.000	-
	28.828.752.014	42.506.544.400	47.526.412.020	23.808.884.394

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Quỹ lương được trích lập theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 14/2018/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 03 năm 2018 với tỷ lệ 24% lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ thực hiện. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ thực hiện bằng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ trừ giá vốn hàng mua - giá thành dịch vụ, sản xuất (không bao gồm lương và chi phí khấu hao). Số dư cuối kỳ là quỹ tiền lương còn phải trả người lao động.

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Dự án Phổ chợ	2.178.593.745	-
Chi phí đồng phục, bảo hộ lao động	1.482.876.133	-
Chi phí khám sức khỏe	672.029.496	-
Chi phí dịch vụ vệ sinh	651.521.698	-
Chi phí khác	7.999.250	133.060.917
	4.993.020.322	133.060.917

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Ngắn hạn		
Nhận ký quỹ ngắn hạn	988.002.468	476.008.536
Cổ tức phải trả	864.975.800	472.070.000
Kinh phí công đoàn	417.408.343	392.039.644
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.152.965.897	10.653.449.139
	7.423.352.508	11.993.567.319
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	257.724.000	257.724.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
- VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số đầu kỳ		Tăng	Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
		VND		VND		VND	
Vay ngắn hạn							
Ngân hàng TMCP							
Hàng hải Việt Nam -							
Chi nhánh TP. Hồ	59.795.160.035	59.795.160.035	-	59.795.160.035	-	-	-
Chí Minh							
Nợ thuê tài chính dài							
hạn đến hạn trả	3.528.815.100	3.528.815.100	-	3.528.815.100	-	-	-
Tổng	63.323.975.135	63.323.975.135	-	63.323.975.135	-	-	-
Nợ thuê tài chính dài							
hạn	17.065.649.299	17.065.649.299	-	17.065.649.299	-	-	-

Vay thể hiện khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động của Văn phòng Công ty tại TP.HCM. Khoản vay chịu lãi suất 1,5%/năm. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty đã tất toán toàn bộ khoản vay này.

Nợ thuê tài chính dài hạn thể hiện khoản thuê tài chính Công ty TNHH Một thành viên cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu để mua xe. Khoản thuê tài chính chịu lãi suất lần lượt là 2,8%/năm cho khoản vay bằng đồng Đô la Mỹ và 7,8%/năm cho khoản vay bằng đồng Việt Nam. Trong năm, Văn phòng Công ty tại TP.HCM đã mua lại toàn bộ số xe này và ghi nhận vào tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số 12).

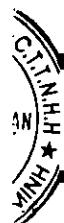
23. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ thưởng	Tổng
	VND	VND	Ban điều hành	VND
Số đầu kỳ	23.214.087.494	17.087.893.178	990.371.195	41.292.351.867
Sử dụng quỹ	(4.209.500.000)	(10.564.424.709)	(990.371.195)	(15.764.295.904)
Số cuối kỳ	19.004.587.494	6.523.468.469	-	25.528.055.963

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư	Quỹ đầu tư	Lợi nhuận sau thuế	Cộng
	của chủ sở hữu	vốn cổ phần	phát triển	chưa phân phối	VND
	VND	VND	VND	VND	VND
Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017					
Số dư đầu kỳ	1.315.000.000.000	-	582.661.723	176.613.904.781	1.492.196.566.504
trước					
Lợi nhuận	-	-	-	136.737.839.272	136.737.839.272
trong kỳ					
Chia cổ tức				(142.546.000.000)	(142.546.000.000)
Số dư cuối	1.315.000.000.000	-	582.661.723	170.805.744.053	1.486.388.405.776
kỳ trước					
Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018					
Số dư đầu kỳ	1.334.813.100.000	3.962.620.000	582.661.723	221.914.455.860	1.561.272.837.583
này					
Lợi nhuận	-	-	-	193.776.423.331	193.776.423.331
trong kỳ					
Chia cổ tức	-	-	-	(202.891.591.200)	(202.891.591.200)
Số dư cuối	1.334.813.100.000	3.962.620.000	582.661.723	212.799.287.991	1.552.157.669.714
kỳ này					



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
- VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02-NQ/SASCO-ĐHĐCĐ-2018 ngày 27 tháng 3 năm 2018, Công ty đã trích cổ tức năm 2017 phải trả cho các cổ đông từ lợi nhuận chưa phân phối giai đoạn từ ngày 01 tháng 1 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo tỷ lệ 1.520 đồng/1 cổ phiếu, với số tiền là 202.891.591.200 đồng. Trong kỳ, Công ty đã chi trả một phần cổ tức cho các cổ đông.

Cổ phần:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	133.481.310	133.481.310
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	133.481.310	133.481.310
- Cổ phiếu phổ thông	133.481.310	133.481.310
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	133.481.310	133.481.310
- Cổ phiếu phổ thông	133.481.310	133.481.310
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Vốn điều lệ:

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 09 ngày 27 tháng 4 năm 2018, vốn điều lệ của Công ty là 1.334.813.100.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu kỳ</u>		
	<u>Cổ phần</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>	<u>Cổ phần</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam	65.504.200	49,07	655.042.000.000	65.504.200	49,07	655.042.000.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Liên Thái Bình Dương	33.340.200	24,98	333.402.000.000	33.290.200	24,94	332.902.000.000
Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Duy Anh	6.575.000	4,93	65.750.000.000	6.575.000	4,93	65.750.000.000
Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Âu Châu	20.538.400	15,39	205.384.000.000	20.538.400	15,39	205.384.000.000
Các cổ đông khác	7.523.510	5,64	75.235.100.000	7.573.510	5,67	75.735.100.000
	133.481.310	100,00	1.334.813.100.000	133.481.310	100,00	1.334.813.100.000

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
- Đô la Mỹ ("USD")	2.253.643,64	8.465.211,30
- Đồng Euro ("EUR")	26.923,89	52.501,52
- Đô la Úc ("AUD")	3.430,01	16.610,01
- Bạc Thái Lan ("BHT")	18.870,00	33.110,00
- Đô la Canada ("CAD")	975,00	4.855,00
- Bảng Anh ("GPB")	285,01	3.650,01
- Franc Thụy Sĩ ("CHF")	450,00	1.000,00
- Đô la Hồng Kông ("HKD")	30.310,00	11.540,00
- Yên Nhật ("JPY")	912.000,00	1.105.000,00
- Đô la Singapore ("SGD")	9.105,00	17.233,00
- Đô la New Zealand ("NZD")	100,00	505,00
- Won Hàn Quốc ("KRW")	-	18.000,00

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
- VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09a-DN

Tài sản nhận giữ hộ

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Đơn vị tính		Đơn vị tính	
	Cái	Khác	Cái	Khác
Cây kiểng, tranh, hoa	180	1	169	1
Hàng công nghệ phẩm	11.634	14.396	12.619	13.163
Da và giả da	3.038	843	3.062	760
Hàng may mặc, vải	22.348	1.863	19.189	1.665
Hàng mỹ nghệ	47.204	12.691	46.059	14.676
Hàng mỹ phẩm	2.221	8.306	1.584	7.042
Hàng thực phẩm	-	15.924	-	13.030
Hàng trang sức	2.079	3.409	2.286	793
Văn hóa phẩm	565	1.241	600	1.092
Vàng bạc – đá quý	152	12.324	857	18.286
	89.421	70.998	86.425	70.508

Nợ khó đòi đã xử lý

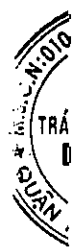
	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu khách hàng	23.279.144	23.279.144
Trả trước cho người bán	10.500.000	10.500.000
Phải thu khác	-	189.419.811
	33.779.144	223.198.955

26. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu hàng hóa tại cửa hàng miễn thuế	666.772.705.770	550.097.809.821
Doanh thu hàng hóa tại trung tâm thương mại	185.628.225.262	160.809.659.843
Doanh thu hoạt động phòng khách	195.799.792.865	164.426.391.716
Doanh thu các hoạt động khác	265.060.949.807	225.928.343.379
	1.313.261.673.704	1.101.262.204.759
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán trả lại	396.109.397	1.390.793
	1.312.865.564.307	1.101.260.813.966

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn hàng hóa tại cửa hàng miễn thuế	523.001.775.801	429.106.531.832
Giá vốn hàng hóa tại trung tâm thương mại	92.123.284.375	81.128.298.595
Giá vốn phòng khách	36.754.079.445	26.829.278.614
Giá vốn các hoạt động khác	84.321.008.574	66.473.561.079
	736.200.148.195	603.537.670.120



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
- VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09a-DN

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	150.764.336.129	135.021.339.086
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	72.415.234.351	33.782.630.552
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.148.740.037	13.799.416.355
Chi phí dịch vụ mua ngoài	217.685.427.139	180.999.218.766
Chi phí bằng tiền khác	82.978.225.471	86.802.241.260
	539.991.963.127	450.404.846.019

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	18.062.146.442	8.198.515.557
Lãi chênh lệch tỷ giá trong kỳ	2.985.344.301	8.945.155.620
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối kỳ	-	19.935.295.442
Cổ tức lợi nhuận được chia	79.870.369.899	23.336.473.591
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	2.365.131.500
	100.917.860.642	62.780.571.710

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	279.942.498	862.157.211
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong kỳ	238.617.784	1.974.509.623
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối kỳ	7.221.726.384	212.792.593
Chi phí tài chính khác	-	120.000.000
	7.740.286.666	3.169.459.427

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	65.903.051.818	55.833.067.212
Chi phí vật liệu, bao bì bán hàng	1.624.181.930	1.650.476.813
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	7.694.209.690	7.138.660.164
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.197.775.386	4.091.451.678
Chi phí tiền thuê mặt bằng, nhà xưởng, kho	101.003.386.502	83.790.254.666
Chi phí quản lý thuê điều hành	74.770.053.039	62.057.415.519
Chi phí hợp tác kinh doanh	51.753.089.077	27.467.116.064
Chi phí khác	39.071.331.424	32.177.099.991
	347.017.078.866	274.205.542.107

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
- VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09a-DN

32. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	79.195.485.591	74.812.935.412
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	585.262.948	780.533.532
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.678.889.114	2.768.968.360
Thuế, phí, lệ phí	3.938.122.370	3.803.289.076
Chi phí phân bổ lợi thế kinh doanh	-	6.458.426.952
Chi phí bằng tiền khác	20.752.106.381	14.645.549.958
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(4.028.497.165)	21.642.686.036
	103.121.369.239	124.912.389.326

33. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập do thanh lý tài sản cố định	195.636.363	269.434
Thu nhập do thanh lý công cụ dụng cụ	-	4.668.748
Thu nhập do hỗ trợ bán hàng, khuyến mãi	4.151.808.156	3.997.141.855
Các khoản khác	551.466.638	2.694.893.953
	4.898.911.157	6.696.973.990

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh xác nhận số liệu ghi nhận trong báo cáo tài chính là chưa quyết toán. Do việc áp dụng áp dụng luật thuế và các qui định về thuế chịu ảnh hưởng bởi những các diễn giải khác nhau, số liệu ghi nhận trong báo cáo tài chính chịu sự thay đổi dựa trên quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

35. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	111.160.890.470	68.275.149.441

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trong vòng một năm	213.947.831.476	186.671.502.956
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	627.930.381.828	746.282.811.826
Sau năm năm	1.194.005.012.867	1.091.076.756.594
	2.035.883.226.171	2.024.031.071.376



36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan với Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên có quan hệ mật thiết trong gia đình của các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh không phát sinh các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh không có số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên chủ chốt

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền lương	1.662.227.273	1.447.727.272
Thù lao	246.000.000	270.000.000
Tiền thưởng	2.810.598.831	2.170.597.874
	4.718.826.104	3.618.325.146

Giao dịch và số dư với bên liên quan khác

Mối quan hệ với các bên liên quan

Bên liên quan

Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP
 Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất
 Công ty TNHH Phú Quốc – Sasco
 Công ty Cổ phần Phát triển Vườn Xanh
 Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt
 Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bầu Trời Xanh
 Công ty TNHH Dịch vụ Bảo dưỡng máy bay Cảng hàng không Miền Nam
 Công Ty Cổ Phần Thương mại Hàng Không Miền Nam

 Công ty Cổ phần Vận tải Hàng Không Miền Nam

 Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

 Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Hà Nội

 Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Liên Thái Bình Dương
 Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Âu Châu
 Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Duy Anh
 Công ty TNHH Autogrill VFS F&B

Mối quan hệ

Cổ đông
 Công ty liên kết
 Công ty liên doanh
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP
 Công ty liên kết của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP
 Công ty liên kết của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP
 Công ty liên kết của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP
 Công ty liên kết của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP
 Công ty liên kết của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP
 Công ty liên kết của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP
 Công ty liên kết của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP
 Cổ đông
 Cổ đông
 Cổ đông
 Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
- VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Trong kỳ, Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

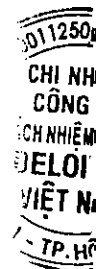
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu đối với các bên liên quan		
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	429.852.610	631.738.694
Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam	1.561.708.635	1.452.161.363
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	102.685.460	187.035.376
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Hà Nội	48.236.730	3.454.546
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	1.203.656.233	1.424.646.455
Công ty Cổ phần Phát triển Vườn Xanh	91.757.979	91.232.532
Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt	-	18.094.628
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bầu Trời Xanh	657.221.220	786.647.585
Công ty TNHH Autogrill VFS F&B	141.952.645	-
	4.237.071.512	4.595.011.179

Mua hàng với các bên liên quan		
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	182.473.703.042	138.072.180.164
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	3.328.521.972	1.789.153.391
Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco	681.818.184	-
Công ty Cổ phần Phát triển Vườn Xanh	10.401.435.781	10.173.673.267
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bầu Trời Xanh	361.825.138	155.489.624
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	777.250.000	359.019.720
Công ty TNHH Autogrill VFS F&B	80.453.585.041	67.017.712.606
	278.478.139.158	217.567.228.772

Cổ tức nhận được		
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	14.937.673.000	-
Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco	-	996.945.627
Công ty Cổ phần Phát triển Vườn Xanh	276.000.000	252.000.000
	15.213.673.000	1.248.945.627

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu của khách hàng		
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	3.564.490.800	2.591.614.180
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	942.060.550	1.530.924.100
Công ty Cổ phần Phát triển Vườn Xanh	554.169	-
Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt	4.788.490.645	4.828.704.435
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bầu Trời Xanh	840.427.476	813.189.194
Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Miền Nam	217.047.699	6.932.860.000
Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam	712.800.000	1.038.092.900
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	196.841.000	25.570.800
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Hà Nội	63.578.000	104.879.700
	11.326.290.339	17.865.835.309
Ứng trước cho nhà cung cấp		
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	60.500.000	60.500.000
	60.500.000	60.500.000



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
- VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt	47.027.070.976	47.430.886.468
Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam	15.077.566.965	15.296.221.991
	62.104.637.941	62.727.108.459
Phải thu dài hạn khác		
Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt	247.377.117.723	250.964.583.156
	247.377.117.723	250.964.583.156
Phải trả nhà cung cấp		
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam	29.087.773.106	26.598.919.257
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	1.917.277.771	2.112.917.771
Công ty Cổ phần Phát triển Vườn xanh	1.644.397.199	1.925.306.629
Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt	1.081.750.146	1.099.131.540
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bầu Trời Xanh	45.429.692	7.899.980
Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Miền Nam	120.450.000	381.400.000
Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam	865.410.100	693.633.500
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	-	511.225.000
Công ty TNHH Autogrill VFS F&B	59.016.253.620	13.677.904.768
	93.778.741.634	47.008.338.445
Phải trả khác		
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	-	19.050.240
	-	19.050.240

37. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi tiền gửi trong kỳ không bao gồm 12.374.326.575 đồng (kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2017: 0 đồng) là khoản lãi từ tiền gửi có kỳ hạn dự thu cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018. Tuy nhiên, tiền thu lãi tiền gửi được chia trong kỳ đã bao gồm số tiền 8.266.336.528 đồng (kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2017: 3.999.411.183 đồng) là số tiền lãi tiền gửi của năm trước đã thu trong kỳ này.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 3.632.234.298 đồng (kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2017: 824.583.924 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Tuy nhiên, tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ đã bao gồm 5.904.271.062 đồng (kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2017: 2.846.584.065 đồng) là số tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang của năm trước đã chi trong kỳ này.

Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu trong kỳ không bao gồm 864.975.800 đồng (kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2017: 542.499.600 đồng) là khoản cổ tức chưa thanh toán cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018. Tuy nhiên, cổ tức đã trả cho chủ sở hữu trong kỳ đã bao gồm 472.070.000 đồng (kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2017: 236.805.200 đồng) là số tiền cổ tức của năm trước đã chi trong kỳ này.

38. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

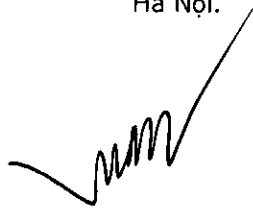
Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất số 09-2018/2016/HĐQT-QĐ ngày 05 tháng 7 năm 2018, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc giải thể hoạt động kinh doanh Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất tại Hà Nội vào ngày 20 tháng 07 năm 2018 do chi nhánh hoạt động không hiệu quả. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa hoàn tất việc thực hiện việc giải thể chi nhánh.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
- VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09a-DN

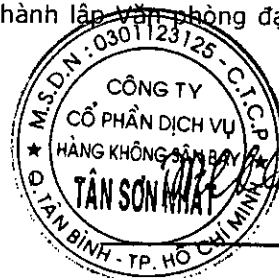
Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất số 10-2018/2016/HĐQT-QĐ ngày 05 tháng 7 năm 2018, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc thành lập Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất tại Hà Nội. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa hoàn tất các thủ tục để thực hiện việc thành lập văn phòng đại diện tại Hà Nội.



Hoàng Đôn Huân
Người lập biểu



Tôn Nữ Diệu Trí
Kế toán trưởng



Đoàn Thị Mai Hương
Tổng Giám đốc
Ngày 09 tháng 8 năm 2018

